

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST

Ngày 15/7/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Xuân Vinh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Thành.

Ông Nguyễn Hữu Dân.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Hà là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXX-ST ngày 15/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần NP Thanh Hóa. Địa chỉ: Xã LT, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn L - Giám đốc. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Phạm Văn M – Sinh năm 1975 và chị Phạm Thị H – Sinh năm 1973. Cùng địa chỉ: Thôn ĐS 3, xã NS, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. (Có mặt anh M, vắng mặt chị H lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn nội dung đơn khởi kiện ngày 02/12/2019, được bổ sung trong các biên bản hòa giải nguyên đơn trình bày: Ngày 20/02/2008 Công ty Cổ phần NP Thanh Hóa, ký hợp đồng bán phân bón với vợ chồng anh Phạm Văn M và chị Phạm Thị H, có xác nhận của UBND xã NS, xác thực anh M và chị H là công dân và có hộ khẩu thường trú trên địa bàn xã quản lý. Sau khi ký hợp đồng, nguyên đơn đã giao phân bón cho anh M hai lần với tổng giá trị phân bón là 85.150.000đ và anh M đã thanh toán số tiền là 11.000.000đ, số tiền còn lại 74.150.000đ nguyên đơn đã đòi nợ rất nhiều lần, nhưng anh M và chị H cứ dây dưa khất lãn không trả đồng nào. Công ty Cổ phần NP Thanh Hóa yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh M và chị H phải trả cho nguyên đơn số tiền mua phân còn nợ 74.150.000đ và số tiền lãi tính đến tháng 10/2019 mức lãi suất 1,5%, số tiền lãi là 139.136.000đ. Tổng số tiền anh M và chị H phải trả cho Công ty Cổ phần NP Thanh Hóa là 213.236.000đ.

Tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh M và chị H phải trả lại số tiền mua phân bón còn nợ là 74.150.000đ và số tiền lãi đề nghị tính theo thỏa thuận trong hợp đồng và theo quy định của pháp luật

Trong đơn trình bày ngày 10/01/2020, được bổ sung trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là anh Phạm Văn M trình bày: Ngày 20/02/2008, anh là người ký hợp đồng mua bán phân bón với Công ty Cổ phần NP Thanh Hóa, họ tên chữ ký của chị Phạm Thị H là do anh tự viết vào hợp đồng. Trong hợp đồng có thỏa thuận bán được phân bón, thì được hưởng hoa hồng 200.000đ/tấn. Tổng số phân bón anh còn nợ là 74.150.000đ. Lý do anh chưa trả được nợ là do người dân mua phân bón của công ty kém chất lượng không chịu trả tiền. Anh công nhận số tiền gốc và lãi 213.316.000đ, vợ chồng anh còn nợ Công ty Cổ phần NP Thanh Hóa, như nguyên đơn trình bày là đúng. Anh đề nghị nguyên đơn giảm trừ tiền lãi và cho anh được trả nợ số tiền gốc. Nếu nguyên đơn không đồng ý, thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại đơn trình bày ngày 05/01/2020 bị đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Việc anh M chồng của chị thỏa thuận mua bán phân bón với Công ty Cổ phần NP Thanh Hóa như thế nào thì chị không biết, chị không được ký tên trong hợp đồng, còn họ tên của chị có trong hợp đồng là do ông Lê Văn L ghi vào như thế nào thì chị không biết, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và tư cách của các đương sự cũng như trình tự thủ tục giải quyết vụ án của Tòa án là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Nội dung nguyên đơn khởi kiện anh Phạm Văn M và chị Phạm Thị H là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Xét đề nghị của nguyên đơn yêu cầu anh M và chị H trả số tiền là 213.316.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ hợp đồng số 234/HĐKT/NP ngày 20/02/2008, các biên bản nghiệm thu giao nhận phân bón và cam kết trả nợ ngày 26/02/2008 và ngày 05/3/2008, các giấy cam kết trả nợ ngày 25/5/2009 và ngày 21/8/2009, biên bản đối chiếu công nợ ngày 10/8/2017 và đơn đề nghị ngày 27/02/2018. Anh M thừa nhận số tiền mua phân bón năm 2008 còn nợ là 74.150.000đ và kể từ năm 2008 đến nay anh chưa trả thêm đồng nào. Như vậy anh M và chị H đã vi phạm Điều IV của hợp đồng và vi phạm thỏa thuận trong biên bản nghiệm thu giao nhận phân bón và cam kết trả nợ đã ký kết, do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền mua phân bón còn nợ 74.150.000đ là có căn cứ. Đối với khoản tiền lãi nguyên đơn đề nghị tính theo lãi suất theo đơn khởi kiện là chưa phù hợp, vì theo hợp đồng quy định thời gian thanh toán chậm nhất là kết thúc vụ ép mía năm 2008 – 2009 (Tức là tháng 5/2009) và thời gian chịu lãi suất 1,6% là 45 ngày, hết 45 ngày các bên không thỏa thuận mức lãi xuất, nên áp dụng mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Mức lãi suất có cơ sở chấp nhận là: Từ tháng 5/2009 đến 15/6/2009: $74.150.000đ \times 1,6\% \times 45 \text{ ngày} = 1.780.000đ$. Từ ngày 15/6/2009 đến 15/7/2020 tính tròn là 133 tháng với mức lãi suất 0,83% số tiền lãi là $74.150 \times 0,83\% \times 133 \text{ tháng} = 81.855.000đ$, Số tiền lãi phải chịu là 83.635.000đ. Tổng số tiền có cơ sở chấp nhận là $74.150.000đ + 83.635.000đ = 157.785.000đ$.

[4]. Xét lời trình bày của anh Phạm Văn M về việc được hưởng hoa hồng 200.000đ/tấn và phân bón không đảm bảo chất lượng thấy rằng: Trong hợp đồng không có điều khoản nào quy định anh M bán phân bón được hưởng hoa hồng và nội dung phân không đảm bảo chất lượng, ông L không công nhận, nhưng anh M không cung cấp được chứng cứ chứng minh hợp đồng quy định được hưởng hoa hồng và phân bón kém chất lượng, nên lời trình bày của anh M không có cơ sở chấp nhận. Đối với đề nghị giảm trừ tiền lãi, nguyên đơn không đồng ý, do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn M.

[5]. Xét lời trình bày của chị Phạm Thị H thấy rằng: Trong hợp đồng ngày 20/02/2008 đã ghi rõ họ tên và có chức ký của chị Phạm Thị H và tại giấy cam kết ngày 21/8/2009 anh Phạm Văn M còn cam kết thế chấp trả nợ diện tích đất ở $400m^2$ nhà cấp 4b và đất vườn canh tác là tài sản chung của anh M và chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H, nhưng chị H không tham gia các phiên hòa giải và không tham gia phiên tòa, nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của chị Phạm Thị H.

Từ những phân tích đánh giá ở trên, đủ cơ sở xác định ngày 20/02/2008 anh Phạm Văn M và chị Phạm Thị H ký hợp đồng mua bán phân bón với Công ty Cổ phần NP Thanh Hóa. Số tiền mua phân bón còn nợ là 74.150.000đ và số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ tính đến ngày xét xử là 83.635.000đ. Tổng cộng hai khoản anh M và chị H phải trả cho Công ty Cổ phần NP là 157.785.000đ. (Một trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

[5]. Về án phí: Anh M và chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

* **Căn cứ vào:** Các Điều 430, 431 và Điều 440 Bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Phạm Văn M và chị Phạm Thị H phải trả cho Công ty Cổ phần NP Thanh Hóa Số tiền mua phân bón năm 2008 còn nợ và số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ tính đến ngày xét xử 15/7/2020 là 157.785.000đ. (Một trăm năm mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Công ty Cổ phần NP Thanh Hóa, có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng anh Phạm Văn M và chị Phạm Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

*** Về án phí:** Anh Phạm Văn M và chị Phạm Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.890.000đ (Bảy triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng). Công ty Cổ phần NP Thanh Hóa không phải chịu án phí. Trả lại cho Công ty Cổ phần NP Thanh Hóa số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.324.000đ, theo biên lai thu tiền số AA/2018/0006792 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

*** Về quyền kháng cáo:** Công ty Cổ phần NP Thanh Hóa và anh Phạm Văn M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA huyện Ngọc Lặc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Vinh

